



THE
WORLD
BANK



Dự án VnSAT - Chuyển đổi nông nghiệp bền vững

BẢN TIN TUẦN

Tuần 31 (từ 30/7 – 03/8/2018)



ĐIỂM TIN

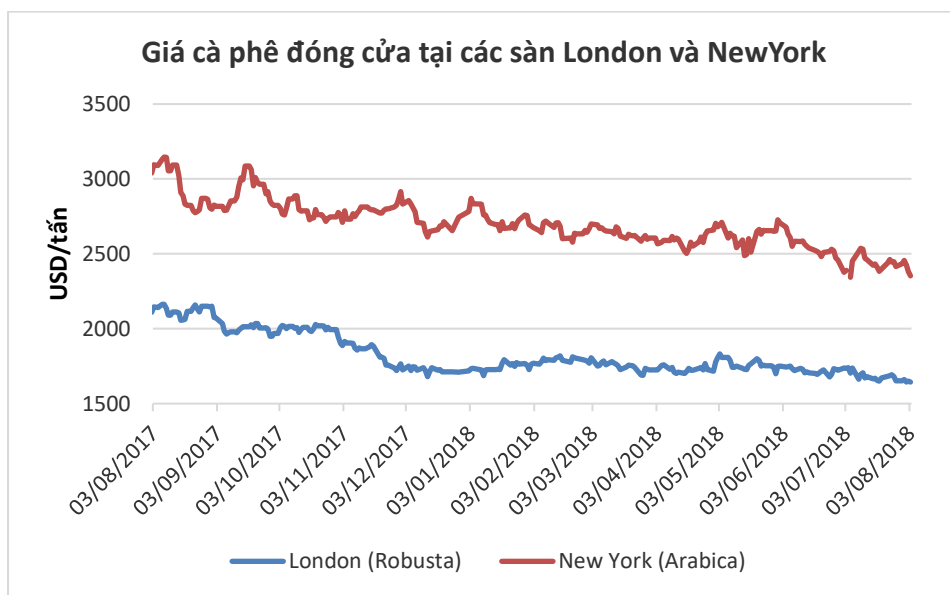
Giá Robusta kỳ hạn tuần này giảm 1,7%

Giá Arabica kỳ hạn tuần này giảm 1,3%

Xuất khẩu cà phê toàn cầu tăng 2,6% trong tháng 6/2018

Xuất khẩu cà phê tháng 7 tại Brazil, Indonesia và Honduras giảm

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI



Nguồn: Sàn kỳ hạn ICE, www.theice.com

Giá cà phê Robusta bình quân trên sàn kỳ hạn London tuần này đạt 1.650,2 USD/tấn, giảm 1,7% so với tuần trước và vẫn thấp hơn 22,9% so với cùng kỳ năm 2017. Giá cao nhất trong tuần đạt 1.660 USD/tấn, giá thấp nhất là 1.644 USD/tấn [1].

Giá cà phê Arabica bình quân trên sàn kỳ hạn New York tuần qua đạt 2.410 USD/tấn, giảm 1,3% so với tuần trước và thấp



hơn 17,4% so với cùng thời điểm năm 2017. Giá cao nhất trong tuần đạt 2.456 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần đạt 2.352 USD/tấn [1].

Tổ chức cà phê quốc tế (ICO) thông báo, xuất khẩu cà phê toàn cầu trong tháng 6/2018 đạt 10,45 triệu bao, tăng 2,6% so với cùng kỳ năm trước. Lũy kế xuất khẩu cà phê 9 tháng đầu niên vụ 2017/18 đạt 90,86 triệu bao, cao hơn 0,3% so với cùng kỳ niên vụ trước. Như vậy, nguồn cung cà phê toàn cầu tính đến thời điểm hiện nay vẫn khá dồi dào. Thêm vào đó, các ước tính về sản lượng cà phê Robusta Conilon tại Brazil tăng mạnh năm nay đủ đáp ứng nhu cầu tiêu thụ trong nước (khoảng 4 triệu bao) và cung ứng cho xuất khẩu trong các tháng tiếp theo sẽ khiến giá cà phê Robusta khó có thể tăng giá. [2]

Hợp tác xã lớn nhất của Brazil Cooxupe cho biết các thành viên của họ đã thu hoạch được 65,1% vụ cà phê năm nay, con số này ít hơn so với 76% sản lượng thu hoạch cùng thời điểm năm ngoái. Tuy nhiên, với ước đoán sản lượng cà phê Arabica niên vụ này cao hơn 15% so với niên vụ trước thì sản lượng cà phê thu hoạch được đến thời điểm này vẫn nhiều hơn so với cùng kỳ năm trước. [2].

Trong khi đó, Bộ Thương mại Brazil cho biết, xuất khẩu cà phê trong tháng 7 của nước này ước đạt 1,2 triệu bao, thấp hơn 42,41% so với cùng kỳ năm ngoái. Thống kê này có thể chưa đầy đủ do chưa ước tính được lượng hàng vụ mới cho xuất khẩu tăng mạnh vào nửa cuối tháng[4].

Xuất khẩu cà phê Indonesia trong tháng 7 tiếp tục giảm, chỉ đạt 271.780 bao, thấp hơn 51% (283.018 bao) so với cùng kỳ năm ngoái. Lũy kế xuất khẩu cà phê 10 tháng đầu niên vụ 2017/18 của Indonesia đạt 1,2 triệu bao, giảm 66,96% (2,46 triệu bao) so với cùng kỳ niên vụ trước [2].

Viện cà phê quốc gia Honduras (IHCAFE) thông báo, xuất khẩu cà phê nước này trong tháng 7 đạt 759.885 bao, giảm 1,5% (11.569 bao) so với tháng 7/2017. Lũy kế xuất khẩu cà phê 10 tháng đầu niên vụ 2017/18 của Honduras đạt 6,5 triệu bao, thấp hơn 1,67% so với cùng kỳ niên vụ trước [4].



ĐIỂM TIN

Giá cà phê tại một số tỉnh Tây Nguyên và giá cà phê giao ngay tại cảng Sài Gòn (FOB) giảm nhẹ so với tuần trước theo xu hướng giá cà phê thế giới

Xuất khẩu cà phê 7 tháng đầu năm ước tăng 12,2% về lượng nhưng giảm 4,5% về giá trị

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC



Nguồn: CTV dự án VNSAT thu thập

Giá cà phê tại khu vực Tây Nguyên tuần này giảm nhẹ so với tuần trước theo giá Robusta trên sàn kỳ hạn London. Tại Đắc Lắc, giá cà phê bình quân đạt 34.965 đ/kg, giảm 1,01% so với tuần trước và vẫn thấp hơn 23,55% so với cùng kỳ năm 2017. Tại Lâm Đồng, giá cà phê giảm 1,09% so với tuần trước xuống còn 34.428 đ/kg, và vẫn thấp hơn 23,7% so với cùng kỳ năm trước [5].

Cùng xu hướng, giá cà phê xuất khẩu giao ngay (FOB) tại cảng Sài Gòn tuần này đạt 1.530 USD/tấn, giảm 1,8% so với tuần trước và vẫn thấp hơn 25,1% so với cùng kỳ năm 2017 [7].

Theo ước tính của Tổng cục Thống kê, xuất khẩu cà phê Việt Nam trong tháng 7/2018 ước tính giảm 16,7% so với tháng 6 xuống còn 130.000 tấn. Lũy kế trong 7 tháng đầu năm, xuất khẩu cà phê đạt 1,17 triệu tấn với trị giá kim ngạch 2,25 tỷ USD, tăng 12,2% về lượng và giảm 4,5% về giá trị so với cùng giai đoạn này năm ngoái [8].

Theo số liệu thống kê từ Hiệp hội thương mại quốc tế Hàn Quốc, Việt Nam là nguồn cung cà phê lớn thứ 2 về lượng tại



quốc gia này. Tuy nhiên, lượng xuất khẩu cà phê Việt Nam sang Hàn Quốc trong 6 tháng đầu năm nay giảm 15,5% so với cùng kỳ năm 2017, theo đó thị phần cà phê của Việt Nam tại Hàn Quốc giảm từ mức 24% trong 6 tháng đầu năm 2017 xuống còn 19,7% trong cùng giai đoạn năm 2018 [4].

Theo ước tính của Hiệp hội Cà phê – Ca cao Việt Nam (Vicofa), Việt Nam sẽ xuất khẩu được 1,5 triệu tấn cà phê trong niên vụ 2017 – 2018, với kim ngạch đạt khoảng 3 tỷ USD. So với vụ trước, xuất khẩu cà phê tăng 0,8% về khối lượng nhưng lại giảm 10,5% về giá trị. Kim ngạch xuất khẩu giảm chủ yếu do giá cà phê nhân đang ở mức thấp nhất trong vòng 50 năm qua trong khi chi phí như nhân công, xăng dầu và các dịch vụ, phân bón, thuốc trừ sâu tăng nên giá bán hiện nay xuống thấp hơn cả giá thành sản xuất. Vì vậy, người nông dân không chú tâm vào chăm bón gây ảnh hưởng tới năng suất của mùa vụ. Hiệp hội cho biết sản lượng chỉ tăng nhẹ do các địa phương vẫn đang trong thời kỳ tái canh cải tạo vườn cây cà phê nên nhiều vườn chưa cho thu hoạch. Hơn nữa, một số diện tích tái canh lại chuyển sang trồng sầu riêng, bơ, chanh leo và cây khác có giá trị cao hơn, dẫn tới diện tích cà phê giảm. Tuy nhiên, theo chủ trương của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Vicofa vẫn giữ mục tiêu diện tích trồng cà phê cả nước quanh mức 600.000 ha [6].

Nguồnthamkhảo:

- [1]. <https://www.theice.com/index>
- [2]. <https://www.agra-net.com/agra/international-coffee-report/>
- [3]. <http://trademap.org/>
- [4]. <http://scasa.co.za>
- [5]. CTV tổng hợp giá cà phê và tin cà phê tại địa phương;
- [6]. Chi cục BVTV các tỉnh Tây Nguyên
- [7]. <https://www.customs.gov.vn/default.aspx>
- [8]. <http://giacaphe.com/>



Phụ lục: Giá cà phê tại các tỉnh Tây Nguyên tuần này

ĐVT: đồng/kg

Tỉnh/Huyện	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Biến động so tuần trước
Đắk Lắk						
<i>Giá đại lý</i>						
Cư M'gar (xô vối)	35.067	35.167	34.967	35.000	35.000	-410
Ea H'leo (xô vối)	35.033	35.167	34.967	35.100	35.000	-480
Krông Năng (xô vối)	34.933	34.967	34.767	34.867	34.767	-432
<i>Giá công ty</i>						
Cư M'gar (xô vối)	35.400	35.500	35.300	35.300	35.300	-415
Ea H'leo (xô vối)	35.500	35.500	35.400	35.400	35.300	-430
Krông Năng (xô vối)	35.100	35.200	35.000	35.100	35.000	-395
Lâm Đồng						
<i>Giá đại lý</i>						
Bảo Lâm (xô vối)	34.600	34.900	34.367	34.433	34.333	-282
Lâm Hà (xô vối)	34.500	34.650	34.400	34.500	34.400	-593
Đà Lạt (xô chè)	41.667	42.667	40.667	39.667	38.667	-1875
<i>Giá công ty</i>						
Bảo Lâm (xô vối)	35.067	35.433	34.867	34.933	34.833	-282
Lâm Hà (xô vối)	35.200	35.350	35.000	35.100	35.000	-512
Đà Lạt (xô chè)	42.667	43.667	41.667	40.667	39.667	-1875
Đắk Nông						
<i>Giá đại lý</i>						
Đắk Mil (xô vối)	35.150	35.200	35.000	35.000	35.000	-355
Đắk R'lấp (xô vối)	34.933	35.067	34.867	34.967	34.967	-423
Đắk Song (xô vối)	35.050	35.150	34.950	35.050	35.050	-450
<i>Giá công ty</i>						
Đắk Mil (xô vối)	35.550	35.700	35.450	35.400	35.350	-398
Đắk R'lấp (xô vối)	35.267	35.367	35.167	35.267	35.167	-470
Đắk Song (xô vối)	35.400	35.450	35.250	35.350	35.350	-490



Gia Lai						
<i>Giá đại lý</i>						
Chư Pưh (xô vối)	34.800	34.900	34.700	34.867	34.767	-468
Plei ku (xô vối)	34.900	35.033	34.700	34.867	34.800	-540
<i>Giá công ty</i>						
Chư Pưh (xô vối)	34.900	35.033	34.833	35.000	34.933	-447
Pleiku (xô vối)	35.000	35.167	34.867	35.067	35.000	-484
Kon Tum						
<i>Giá đại lý</i>						
Đắk Tô (xô vối)	34.467	34.683	34.256	34.411	34.322	-478
Đắk Hà (xô vối)	34.907	35.014	34.769	34.861	34.803	-437
<i>Giá công ty</i>						
Đắk Tô (xô vối)	35.022	35.261	34.789	34.944	34.844	-453
Đắk Hà (xô vối)	35.241	35.367	35.098	35.172	35.106	-433

Nguồn: CTV dự án VnSAT thu thập



Bản tin được thực hiện bởi **AGROINFO**

VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

Địa chỉ: 16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Email: info@agro.gov.vn

Website: www.agro.gov.vn

